

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ THẺ TRONG KHU VỰC DÂN CƯ TẠI VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

OPERATION OF CARD SERVICES IN RESIDENTIAL AREAS IN VIETNAM - REALITY AND SOLUTIONS

Cái Quang Kiên, Nguyễn Thu Hà

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng, quangkienvndn@gmail.com

Tóm tắt - Nghiên cứu này thực hiện việc đánh giá thực trạng hoạt động dịch vụ thẻ ngân hàng trong khu vực dân cư tại Việt Nam. Thông qua phương pháp nghiên cứu truyền thống từ việc thu thập dữ liệu thống kê, phân tích đánh giá các yếu tố của quá trình phát triển thẻ, phát triển hệ thống chấp nhận thẻ, quá trình sử dụng thẻ của cư dân và những hiệu quả kinh tế xã hội nhờ dịch vụ thẻ mang lại. Mặc dù có một số tồn tại, kết quả nghiên cứu cho thấy việc phát triển dịch vụ thẻ trong cư dân là cấp thiết và cần có những chủ trương, chính sách thỏa đáng thúc đẩy quá trình phát triển thẻ cũng như thúc đẩy việc sử dụng thẻ trong cư dân. Nghiên cứu cũng đề xuất hệ thống các giải pháp vĩ mô và vi mô nhằm thực hiện mục tiêu trên.

Từ khóa - ATM; dịch vụ thẻ; thị trường thẻ; thẻ thanh toán; kinh doanh dịch vụ thẻ; thanh toán bán lẻ.

1. Đặt vấn đề

Theo thống kê của các nhà kinh tế học trên thế giới, với đà phát triển kinh tế xã hội, lưu thông hàng hóa, trao đổi, dịch vụ được mở rộng thì thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng chiếm phạm vi và khối lượng lớn hơn so với thanh toán bằng tiền mặt. Ngoài tác dụng như góp phần vào việc thúc đẩy quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa, làm tăng tốc độ chu chuyển vốn tiền tệ, tiết kiệm chi phí cho xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt còn là công cụ quan trọng để thực hiện công tác quản lý kinh tế của Nhà nước.

Thanh toán bằng thẻ ngân hàng là một trong những hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đang được sử dụng phổ biến trên thế giới. Theo đó, ngân hàng cấp thẻ cho khách hàng của mình để thực hiện thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng thẻ.

Nhìn chung, thanh toán bằng thẻ có nhiều ưu điểm hơn so với các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt khác do các ngân hàng đã ứng dụng những tiên bộ của ngành công nghệ thông tin mang lại để phát triển công nghệ thanh toán ngân hàng mà trong đó đặc biệt là công nghệ thanh toán bằng thẻ, giúp cho việc thanh toán qua ngân hàng của người dân ngày càng trở nên nhanh chóng và tiện lợi hơn bao giờ hết.

Để tồn tại và phát triển một cách bền vững, các ngân hàng thương mại ngày nay đều hướng tới việc củng cố và phát triển một cách bền vững nền khách hàng vững chắc đặc biệt là các khách hàng cá nhân, hộ gia đình và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, là hoạt động đem lại doanh thu chắc chắn, hạn chế và phân tán rủi ro.

Ở thành thị, các sản phẩm của dịch vụ thẻ là khá phong phú, tuy nhiên ở nông thôn Việt Nam hiện nay, không gian phát triển của dịch vụ này hiện tại và trong nhiều năm tới là khá lớn, có khoảng 60 triệu người dân

Abstract - This study aims to assess the operation of bank card services in residential areas in Vietnam through traditional research methods from statistical data collection, analysis and assessment of the elements of the process of card development, developing POS systems, the card use of residents and social and economic results brought about by card services. Although there exist some difficulties, the research results show that the development of card services for residents is urgent and it needs adequate policies to promote the development of bank cards as well as the card use of residents. The study also suggests a system of macro and micro solutions to implement the above objectives.

Key words - ATM; card services; card market; payment card; business of card services; retail payments.

sống ở các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa chưa tiếp cận được các dịch vụ tài chính cơ bản, trong đó có dịch vụ thẻ. Có khoảng 30% dân số Việt Nam tiếp cận các dịch vụ tài chính và phần lớn sống ở thành thị. Vẫn còn một bộ phận khá lớn người dân cũng như các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ ở những khu vực này có nhu cầu sử dụng các dịch vụ tài chính cơ bản như thanh toán, chuyển tiền, dịch vụ kiều hối mà hầu như chưa được đáp ứng. [2, tr43]

Như vậy, tiềm năng phát triển các dịch vụ thanh toán bán lẻ nói chung và dịch vụ thẻ nói riêng phù hợp với nông thôn còn lớn. Việc khảo sát thực trạng dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư, nhằm đề ra các giải pháp phát triển dịch vụ thẻ là một nghiên cứu cần thiết.

2. Những mặt đạt được của hoạt động dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư tại Việt Nam

Dịch vụ thẻ ngân hàng, là hình thức thanh toán không dùng tiền mặt an toàn, hiệu quả, có vai trò quan trọng đối với hệ thống bán lẻ nói riêng và hệ thống thanh toán quốc gia nói chung.

Hiện tại, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản chính sách, đã và đang được triển khai tại Việt Nam như Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020, Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006- 2010 và định hướng đến 2020, Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2011-2015 và đang xây dựng các văn bản mới như Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2016-2020.

Bên cạnh, chính sách và hệ thống pháp luật, hoạt động dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư cũng đạt được những mặt như sau:

- **Số lượng và tốc độ tăng trưởng thẻ ngân hàng tăng dần qua các năm giai đoạn 2011-2015.**

Tính đến quý 3 năm 2015, đạt 96,26% triệu thẻ, tăng

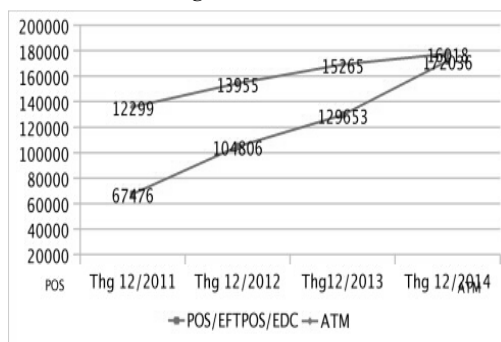
127% so với năm 2011 (42,3 triệu thẻ). [3]

- **Hệ thống máy ATM, POS, các kênh internet banking, mobile banking cũng được chú trọng phát triển.**

Tính đến thời điểm cuối quý 3 năm 2015; số lượng thiết bị ATM là 16.857 (thiết bị) và 208.474 (thiết bị) POS/EDC đạt 83,389 % so với mục tiêu 250.000 POS/EDC cuối năm 2015. [5]

Hệ thống, cơ sở hạ tầng ATM; POS/EDC được trang bị, tăng dần qua các năm, trong giai đoạn 2011-2015, làm tăng khả năng sẵn sàng phục vụ cho chủ thẻ, tạo sự thuận lợi trong hoạt động thanh toán qua thẻ tại Việt Nam ngày càng phát triển.

Hình.1. Số lượng các thiết bị ATM, POS/EDC



Nguồn: NHNNVN

- **Doanh số giao dịch qua ATM, POS/EFTPOS/EDC tăng dần qua các năm trong giai đoạn 2013-2015**

Bảng.1. Doanh số giao dịch qua ATM;POS/EDC giai đoạn 2013-2015

Thời gian	Quý 3/2013	QIII/2014	QIII/2015	Năm 2014/2013		Năm 2015/2014	
				Số tuyệt đối (ĐVT)	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối (ĐVT)	Số tương đối (%)
Chỉ tiêu							
Số lượng GD qua ATM (món)	123.778.797	153.686.770	171.831.698	29.907.973	24,162	18.144.928	11,806
Doanh số GD qua ATM (tỷ đồng)	246.002	311.014	399.081	65.012	26,42	88.067	28,316
Số lượng GD qua POS/EDC (món)	6.178.510	8.326.711	14.120.511	2.148.201	34,768	5.793.800	69,58
Doanh số GD qua POS/EDC (tỷ đồng)	36.134	41.299	47.778	5.165	14,294	6.479	15,688

(Nguồn: Vụ thanh toán – NHNNVN và tính toán của tác giả)

Qua bảng 2.1, ta thấy hoạt động giao dịch qua ATM; POS/EDC tăng dần qua 3 năm giai đoạn 2013 – giai đoạn 2015 cả về số lượng giao dịch và giá trị giao dịch. Trong đó, năm 2015 so với 2014 số lượng giao dịch qua POS/EDC tăng mạnh 69,58% tương ứng tăng 5.793.800 (món).

- **Tỷ trọng thanh toán bằng tiền mặt giảm dần trong giai đoạn 2011-2015**

Theo đó tỷ lệ tiền mặt trong tổng phương tiện thanh toán đã giảm xuống 12- 13% hiện nay, và dự kiến dưới 11% vào cuối năm 2015. [3]

- **Số lượng tài khoản ngân hàng cá nhân đã tăng mạnh trong những năm gần đây.**

Tài khoản tiền gửi thanh toán của cá nhân ở đây là các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của cá nhân mở tại ngân hàng để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng (như dịch vụ thẻ, dịch vụ thanh toán bằng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt ngoài thẻ).

Tính đến cuối quý 3/2015, tổng số tài khoản tiền gửi

thanh toán của cá nhân là 57,867 (triệu tài khoản) tương ứng với số dư 181.734 (tỷ đồng) đã tăng gấp hơn 13 lần so với năm 2005 và gấp khoảng 28 lần so với năm 2000. Trong đó, số người dân có tài khoản tại ngân hàng hiện ước tính đạt 57,867 triệu người (chiếm 64,29 % dân số), đã vượt chỉ tiêu đặt ra tại Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2011- 2015 là tỷ lệ người dân có tài khoản tại ngân hàng lên mức 35 - 40% dân số. [3][4]

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư tại Việt Nam, vẫn còn những tồn tại cần phải khắc phục như sau:

3. Một số tồn tại của hoạt động dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư tại Việt Nam

- **Tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản chính thức ở Việt Nam còn thấp**

Dịch vụ thẻ ngân hàng trong dân cư là loại hình thanh toán bán lẻ được sử dụng hàng ngày với số lượng lớn các giao dịch có giá trị trung bình và thấp, và ít nhất một bên

liên quan trong giao dịch bắt kể là người trả tiền hay người nhận tiền, không phải là một định chế tài chính.

Để thực hiện các giao dịch thẻ trong khu vực dân cư, người tiêu dùng phải có tài khoản giao dịch. Các tài khoản giao dịch được định nghĩa là các tài khoản có thể thực hiện được các giao dịch chuyên tiền, bắt kể có mở tại ngân hàng hay chỉ là tài khoản trả trước, theo đó, nó không chỉ bao gồm “tài khoản tiền gửi thanh toán” truyền thống mà còn có tài khoản dùng cho các giao dịch tiền điện tử.

Theo số liệu mới nhất (Findex,2014) của Ngân hàng thế giới cho thấy, tỷ lệ người trưởng thành có tài khoản chính thức ở Việt Nam thấp hơn so với mức trung bình trong khu vực (trung bình khu vực là 70%-80%) và mức độ tăng trưởng ở Việt Nam cũng thấp hơn so với khu vực (31%).[2,tr43]

Bảng 2: Tỷ lệ phần trăm người trưởng thành có tài khoản tại một ngân hàng/ tổ chức tài chính chính thức

Quốc gia	Năm 2012(%)	Năm 2015(%)
Thái Lan	72,7	78,1
Trung Quốc	63,8	78,9
Singapore	98,2	96,4
Nhật Bản	96,4	96,6
Việt Nam	21,4	31

(Nguồn: ADB – Tài liệu hội thảo tham vấn hỗ trợ phát triển tài chính vi mô)

• **Số lượng thẻ thanh toán đang lưu hành là không hoạt động, tức không phát sinh bất cứ giao dịch nào còn cao.**

Số lượng thẻ ngân hàng tại Việt Nam tăng dần qua các năm, giai đoạn 2008 đến hết quý 3 năm 2015. Nhưng có khoảng 50% số thẻ thanh toán đang lưu hành là không hoạt động, tức không phát sinh bất cứ giao dịch nào. Còn theo số liệu mới nhất của Hiệp hội Thẻ ngân hàng, con số này là khoảng 70%. Điều đó cho thấy thị trường thẻ thanh toán vẫn chưa phát triển đúng như mục tiêu của nó. Đó là thay thế các giao dịch bằng tiền mặt.

• **Việc phát triển dịch vụ thanh toán thẻ qua POS nói chung là chậm và chưa tương ứng với yêu cầu đòi hỏi của một nền kinh tế có hệ thống thanh toán hướng dần tới phi tiền mặt.**

Điều này thể hiện qua bảng thực trạng doanh số thanh toán qua POS giai đoạn 2013 – 2015 sau đây:

Bảng 3: Thực trạng doanh số thanh toán qua POS giai đoạn 2013-2015

TT	Doanh số GD qua POS/EDC (tỷ đồng) (1)	Số lượng thẻ phát hành (triệu thẻ) (2)	Bình quân doanh số giao dịch/thẻ/quí (đồng/thẻ/quí) (3) = (1) / (2)
Quý 3/2013	36.134	62,93	574.194
Quý 3/2014	41.299	76,13	542.480

Quý 3/2015	47.778	96,26	496.447
------------	--------	-------	---------

(Nguồn: Vụ thanh toán – NHNNVN và tính toán của tác giả)

Qua bảng 3 ta thấy, mức bình quân giao dịch/thẻ/quí lại giảm dần trong giai đoạn 2013-2015 (Bảng 3.2, cột 3) và tỷ lệ này là thấp so với các nước trong khu vực. Theo đó, quý 3 năm 2015, bình quân một thẻ có doanh số thanh toán qua POS là 496.447 (đồng/quí), như vậy bình quân khoảng 165.482,333 (đồng/thẻ/tháng). Đây là doanh số thanh toán quá thấp, so với mức trung bình cả nước và trong khu vực.

• **Cơ sở hạ tầng thanh toán phân bố chưa đều, tập trung chủ yếu ở khu vực thành thị.**

Mặc dù, số lượng thiết bị ATM; POS/EDC tăng dần qua các năm (Hình 2.1), tuy nhiên hệ thống chấp nhận thẻ còn hạn chế, gây khó khăn cho chủ thẻ khi sử dụng hàng ngày. Tại các điểm bán hàng, số lượng máy POS dù có tăng lên trong thời gian gần đây nhưng vẫn chưa phủ kín hệ thống.

Hệ thống máy chấp nhận thẻ tín dụng (POS) của Việt Nam, hiện đang ở mức thấp nhất thế giới. Ước tính tại Việt Nam chỉ có 1 POS/1.000 người, trong khi tại Hàn Quốc tỷ lệ này là 50 POS/1.000 người. [4].

• **Ở thành thị, các sản phẩm của dịch vụ thẻ là khá phong phú, tuy nhiên ở nông thôn Việt Nam, các giao dịch thanh toán của dịch vụ này (thanh toán liên quan đến giao dịch gửi, rút tiết kiệm, hoạt động thanh toán chuyển tiền từ thành thị về nông thôn và ngược lại, thanh toán tiền hàng hóa nông sản, thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ ở vùng nông thôn, các khoản chi trả tiền công và tiền lương, thanh toán chi trả bảo hiểm xã hội...) còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng:**

➢ **Tỷ lệ hoạt động thanh toán liên quan đến giao dịch gửi, rút tiết kiệm phi chính thức còn cao;**

Tiết kiệm đóng một vai trò quan trọng giúp các hộ gia đình nông thôn duy trì được mức tiêu dùng sau khi gặp phải các cú sốc làm giảm thu nhập (CIEM, 2011a). Mặc dù tiết kiệm chính thức có thể mang lại nhiều lợi ích hơn cho các hộ gia đình, nhưng phần lớn các hộ gia đình nông thôn đều năm giữ các khoản tiết kiệm phi chính thức. Tỷ lệ các hộ có khoản tiết kiệm chính thức chiếm chưa tới 20%, trong khi tỷ lệ hộ có khoản tiết kiệm phi chính thức chiếm gần 100%. Nghiên cứu chuyên sâu cho thấy các khoản tiết kiệm tài chính, đặc biệt là tiền mặt và vàng cất trữ ở nhà, đóng vai trò là công cụ bảo trợ đặc lực cho các hộ gia đình khi đối mặt với rủi ro có tác động trên qui mô rộng như thiên tai.[2, tr43]

➢ **Tỷ lệ hoạt động thanh toán chuyển tiền từ thành thị về nông thôn và ngược lại, thấp;**

Có khoảng 25,3% hộ gia đình nông thôn có người di cư nhận được tiền gửi về dành cho nhiều mục đích khác nhau. [2, tr43]

Có thể thấy, tại khu vực nông thôn hiện nay, hoạt động thanh toán hàng ngày của người dân vẫn chủ yếu diễn ra bằng tiền mặt. Đối với việc chuyển tiền của người dân thực hiện chủ yếu thông qua mạng lưới còn hạn hẹp của ngân hàng thương mại, qua các kênh dịch vụ bưu điện

hoặc qua mạng lưới chuyển tiền không chính thức. Việc chuyển tiền thông qua các kênh chính thức có nhiều hạn chế về điều kiện, thủ tục, chi phí, điểm giao dịch ngân hàng còn ít, không lan toả đến hết các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Các kênh không chính thức chứa đựng nhiều rủi ro, không được pháp luật bảo vệ.

4. Giải pháp

Với các đặc điểm và tính chất của dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư, số lượng lớn các giao dịch thanh toán có giá trị trung bình và thấp, đối tượng phục vụ ngoài khu vực thành thị còn có người dân ở khu vực nông thôn – trình độ dân trí thấp, nền tảng giáo dục tài chính chưa cao, các công cụ dựa trên thẻ, gồm thẻ tín dụng, thẻ chi trả và thẻ ghi nợ... có thể mở rộng đối tượng tiếp cận với dịch vụ thẻ ở khu vực nông thôn và vùng sâu vùng xa, ở nơi mà việc thành lập chi nhánh hoặc điểm giao dịch ngân hàng truyền thống sẽ kéo theo chi phí rất cao, vượt quá doanh số dự tính có thể thu về.

Một hệ thống thanh toán bán lẻ nói chung và các hoạt động dịch vụ thẻ nói riêng an toàn, hiệu quả, vững chắc, với những phương tiện, dịch vụ thanh toán đáng tin cậy, có chất lượng, chi phí hợp lý sẽ là yếu tố cơ bản để mọi người dân có thể tiếp cận tới dịch vụ thẻ ngân hàng, góp phần phát triển dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư.

Trong giai đoạn 2011-2015, hoạt động dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư đã đạt được nhiều kết quả đáng kể, tuy nhiên vẫn còn những tồn tại kể trên. Để khắc phục những tồn tại trong hoạt động dịch vụ thẻ trong khu vực dân cư, một số giải pháp cơ bản được đưa ra như sau [1, tr20-21], [2, tr45]:

➤ NHNN tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hóa môi trường pháp lý cho hoạt động TTKDTM nói chung và dịch vụ thẻ nói riêng; cần tiếp tục nghiên cứu sớm ban hành các văn bản hướng dẫn về các dịch vụ, phương tiện thanh toán mới, hiện đại.

Cơ chế chính sách phải công bằng, không thiên vị và ổn định. Điều này là thách thức đối với cơ quan quản lý nhà nước, sao cho vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo nhưng không làm tổn hại tới an toàn và ổn định của hệ thống thanh toán quốc gia. Các qui định cần xác định những tiêu chí rõ ràng và nhất quán yêu cầu các nhà cung ứng dịch vụ phải đáp ứng, phù hợp với đặc thù mỗi loại hình dịch vụ thanh toán, tổ chức vận hành hệ thống thanh toán, cung cấp cơ sở hạ tầng, cung ứng giải pháp công nghệ...

➤ NHNN phối hợp với các bộ, ngành xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phù hợp về thuế hoặc các biện pháp tương tự như ưu đãi về thuế đối với doanh số bán hàng hóa, dịch vụ thanh toán bằng thẻ qua POS để khuyến khích các đơn vị bán hàng hóa, dịch vụ tích cực chấp nhận thanh toán bằng thẻ, khuyến khích người dân sử dụng thẻ để thanh toán mua hàng hóa, dịch vụ, khắc phục rào cản, tạo cú huých đẩy nhanh phát triển thanh toán qua POS. NHNN phối hợp với Bộ Tài chính kiến nghị cấp có thẩm quyền qui định các chính sách ưu đãi rõ rệt về Thuế (thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp) đối với hoạt động thanh toán qua POS theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ.

➤ NHNN phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành các qui định, tăng cường biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật, phát hiện, đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thanh toán thẻ, ATM, POS và các phương thức thanh toán sử dụng công nghệ cao. Nghiên cứu, xây dựng tiêu chuẩn thẻ nội địa Việt Nam nhằm đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, ngăn chặn các hành vi gian lận trong hoạt động phát hành và thanh toán thẻ; mở ra cơ hội phát triển mới cho thẻ thanh toán, mở rộng các dịch vụ thanh toán thẻ, đảm bảo khả năng tích hợp giữa các hệ thống thanh toán.

- Tài khoản giao dịch cùng các dịch vụ thanh toán bán lẻ nói chung kéo theo nhiều loại rủi ro như mất an toàn hệ thống công nghệ, hoạt động không đảm bảo liên tục, rủi ro kinh doanh, rủi ro tín dụng và thanh khoản.... Trong việc giám sát các nhà cung ứng dịch vụ thanh toán bán lẻ, cơ quan quản lý cần tiến hành các bước: xác định chính xác rủi ro; thiết kế các yêu cầu quản lý rủi ro phù hợp; tăng cường năng lực cho các bên liên quan để có thể thực thi hiệu quả các biện pháp này; và bảo đảm các đối tượng chịu sự giám sát phải tuân thủ.

- Bảo vệ khách hàng và bảo đảm minh bạch người tiêu dùng, đặc biệt là những người thiếu kinh nghiệm và có hiểu biết hạn chế: minh bạch về các điều khoản, điều kiện, phí và quyền lợi của người tiêu dùng; trách nhiệm đối với các giao dịch trái phép; hỗ trợ khách hàng và giải quyết khiếu nại, khi họ cần phản ánh những vấn đề phát sinh trong giao dịch thanh toán – cơ chế này rất quan trọng để đảm bảo khách hàng tránh khỏi những cung ứng dịch vụ yếu kém và chất lượng dịch vụ thấp, tạo lòng tin cho họ; bảo vệ thông tin/dữ liệu cá nhân của khách hàng.

➤ NHNN, Hội thẻ ngân hàng và các thành viên Hội thẻ chủ động phối hợp với Bộ thông tin và Truyền thông, các phương tiện thông tin đại chúng trong việc đẩy mạnh, triển khai tốt hơn công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, kiến thức về thanh toán thẻ, đơn vị chấp nhận thẻ theo hướng tích cực, đầy đủ, tạo thuận lợi cho phát triển thanh toán thẻ qua POS đi vào cuộc sống. Ngoài ra, NHNN phối hợp với Bộ Công thương trong việc yêu cầu các điểm bán lẻ hàng hóa, dịch vụ có đủ điều kiện phải lắp đặt thiết bị POS và chấp nhận thanh toán bằng thẻ. Quan tâm và xử lý đúng mức vấn đề thu phụ phí của khách hàng thanh toán qua POS theo đúng qui định hiện hành; đảm bảo thực hiện nghiêm túc qui định này trong thực tế.

➤ Các NHTM cần tập trung phát triển hệ thống máy ATM, POS/EDC phù hợp, có chất lượng cao, hoạt động ổn định. Cụ thể:

- NHTM xây dựng lộ trình, nhiệm vụ triển khai cụ thể, giao chỉ tiêu phù hợp từng năm để đạt được mục tiêu đề ra trong việc phát triển dịch vụ thanh toán thẻ, trọng tâm là phát triển thanh toán qua POS theo Chương trình tổng thể phát triển thanh toán thẻ qua POS giai đoạn 2013-2015.

- Tiếp tục phát triển và bố trí hợp lý, sắp xếp lại mạng lưới ATM/POS, đảm bảo hiệu quả, thực chất. Tăng cường lắp đặt, điều chỉnh lại địa điểm lắp đặt máy POS theo hướng tập trung vào những nơi có điều kiện và tiềm năng

phát triển thanh toán thẻ như siêu thị, trung tâm thương mại, các cơ sở phân phối hiện đại, khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi, giải trí, du lịch...; lựa chọn một số địa bàn thí điểm phát triển thanh toán thẻ qua POS phù hợp với điều kiện ở nông thôn.

- Nâng cao chất lượng kết nối liên thông hệ thống thanh toán thẻ, POS trên toàn quốc. tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả dịch vụ thanh toán qua POS bằng các biện pháp đồng bộ để việc thanh toán thực sự đi vào cuộc sống; nâng dần số lượng, giá trị giao dịch thanh toán qua POS qua từng năm; phát triển POS theo hướng làm từng bước vững chắc, triển khai tại các khu vực, đối tượng thuận lợi, có tiềm năng trước, tạo sự lan tỏa, mở rộng dần ra toàn xã hội.

- Khuyến khích phát triển các loại thẻ đa dụng, đa năng (để thu phí cầu đường, mua xăng dầu, mua vé xe

buýt, đi taxi, chi trả bảo hiểm xã hội...) ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] [1] Bùi Quang Tiên (2012), “Định hướng phát triển thị trường thanh toán tại Việt Nam giai đoạn 2011-2015”, *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*, số 10(355), tháng 5,19-21,31.
- [2] [2] Lê Phương Lan (2016), “Phổ cập tài chính – Góc nhìn từ thanh toán bán lẻ”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 18, tháng 9, 40-45.
- [3] [3] Ngân hàng nhà nước (2013, 2014, 2015), Việt Nam, Số liệu công bố về hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt Website NHNN.
- [4] [4] Phạm Xuân Hòa và Nguyễn Đình Đạt (2015), “Phát triển dịch vụ ngân hàng giai đoạn 2011-2015- Những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 20, tháng 3-2015.
- [5] [5] Thủ tướng Chính phủ (2011), Quyết định số 2453/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011 – 2015.

(Nhận bài 25/12/2016, phản biện xong 21/1/2017)